

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHƠN THÀNH  
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

---

Bản án số: 53/2020/HNGĐ-ST  
Ngày: 15 – 12 – 2020  
V/v ly hôn, tranh chấp  
nuôi con chung.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Chu Thị Thu Hà

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Võ Phi May  
2. Ông Lâm Cường Thịnh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Vi là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành tham gia phiên tòa:**  
Bà Nguyễn Thị Lệ Thu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 344/2020/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2020 về “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 142/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Lê Thị V**, sinh năm 1984; Địa chỉ nơi cư trú: Tổ 3, ấp 5, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước. (Có mặt)

2. *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Mạnh T**, sinh năm 1982; Địa chỉ nơi cư trú: Tổ 4, ấp 1, xã N, huyện C, tỉnh Bình Phước. (Xin vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lê Thị V trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Sau thời gian tìm hiểu chị V và anh T quyết định chung sống với nhau vào năm 2005, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện C, tỉnh Bình Phước theo đúng quy định pháp luật. Trước khi chung sống cả hai còn độc thân, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại xã N, huyện C, tỉnh Bình Phước. Vợ chồng chung sống với nhau đến khoảng năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và do mâu thuẫn vấn đề tiền bạc với gia đình chồng vì vậy hai vợ chồng đã

sống ly thân từ đó đến nay, chị V về sinh sống tại xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước. Từ khi sống ly thân thì vợ chồng không còn quan tâm, qua lại với nhau nữa. Nay chị V cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị V yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Mạnh T.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Phúc T1, sinh ngày 19/02/2008. Hiện con chung đang sống với chị V. Nay chị V yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung và nợ chung: Không có

***Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Mạnh T trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Sau thời gian tìm hiểu anh và chị V chung sống với nhau năm 2005, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện C, tỉnh Bình Phước theo đúng quy định pháp luật. Trước khi chung sống cả hai còn độc thân, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Trong quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì nhưng khi chị V có tranh chấp về vấn đề tiền bạc với ba mẹ anh T thì chị V bỏ đi, khi chị V bỏ đi thì chị V có quan hệ tình cảm với người khác và hai vợ chồng sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Nay chị V yêu cầu ly hôn thì anh T đồng ý vì vợ chồng sống ly thân đã lâu, không còn tình cảm với nhau.

Về con chung: có 01 con chung Nguyễn Phúc T1, sinh ngày 19/02/2008. Hiện con chung đang sống với chị V. Nguyên vọng của anh được nuôi con chung. Tuy nhiên hiện nay do điều kiện về sức khỏe và thu nhập không đảm bảo nên anh T đồng ý giao con cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng. Không có ý kiến gì về cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không có

***Tại phiên tòa:***

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị V không cung cấp, bổ sung thêm chứng cứ tài liệu nào khác.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Mạnh T xin vắng mặt và không cung cấp, bổ sung thêm chứng cứ, tài liệu nào khác.

***Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát:***

Việc chấp hành theo quy định của pháp luật của Thẩm phán: Quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến nay nhận thấy Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 BLTTDS;

Về việc chấp hành theo quy định pháp luật của Hội đồng xét xử: Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm;

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành tham gia phiên tòa đề nghị HĐXX: Căn cứ khoản 1, Điều 28: điểm a, khoản 1, Điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; điều 9, 55, 81,82,83,84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 27, Nghị quyết về án phí lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Cho chị V được ly

hôn với anh Nguyễn Mạnh T, giao con chung Nguyễn Phúc T1, sinh ngày 19/02/2008 cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng khi ly hôn. Về án phí nguyên đơn chịu theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ tranh chấp: Theo đơn khởi kiện và yêu cầu tại phiên tòa của nguyên đơn chị Lê Thị V, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*” theo quy định tại Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Do bị đơn anh Nguyễn Mạnh T có nơi cư trú tại tổ 4, ấp 1, xã N, huyện C, tỉnh Bình Phước. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

[3].Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị V, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1].Về quan hệ hôn nhân: Chị V và anh T tự nguyện sống chung với từ năm 2005, có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện C, tỉnh Bình Phước theo đúng quy định pháp luật. Việc kết hôn là do hai người hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, đe dọa, lừa dối. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 thì đây là hôn nhân hợp pháp.

[3.2] Trong quá trình giải quyết vụ án chị V cho rằng vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nên hai vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay, bỏ mặc nhau mặc ai sống sao thì sống, không còn quan tâm đến nhau nữa. Bị đơn anh T cũng thừa nhận mặc dù vợ chồng không có mâu thuẫn gì nhưng chị V lại có quan hệ với người khác, khi chị V có mâu thuẫn về chuyện tiền bạc với ba mẹ anh T thì chị V đã bỏ nhà đi và hai vợ chồng sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay, không còn quan tâm nhau nữa. Xét thấy, cả nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất vợ chồng sống ly thân đã lâu, không còn quan tâm, chăm sóc nhau nữa. Điều này cũng phù hợp với biên bản xác minh ngày 04/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành. Do đó, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị V và anh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài nên cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị V, cho chị V được ly hôn với anh T.

[3.3] Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Phúc T1, sinh ngày 19/02/2008. Hiện con chung đang sống với chị V. Chị V yêu cầu nuôi con chung thì anh T đồng ý giao con cho chị V. Không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, cháu Thành hiện nay đang sống với chị V và đi học tại xã Tân Quan, huyện Hớn Quản trong thời gian vợ chồng ly thân. Hiện nay chị V cũng có thu nhập ổn định có thể đảm bảo điều kiện nuôi dưỡng con chung và cháu Thành cũng có nguyện vọng được ở với mẹ để ổn định việc học. Do đó, cần giao con chung cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng và không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

[3.4] Về tài sản chung: Chị V và anh T trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

[3.5] Về nợ chung: Chị V, anh T trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn chị Lê Thị V phải chịu là 300.000đồng.

*Vì các lẽ nêu trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 143, Điều 144, Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56 các Điều 81,82,83,84 Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Lê Thị V

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lê Thị V được ly hôn với anh Nguyễn Mạnh T.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Phúc T1, sinh ngày 19/02/2008 cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng. Không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Lê Thị V phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002523 ngày 23/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị V có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn anh T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo tính trong thời hạn 15 ngày từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

#### **Nơi nhận:**

- VKSND huyện Chơn Thành;
- Chi cục THADS huyện Chơn Thành;
- UBND xã Minh Thành-Chơn Thành-Bình Phước
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Chu Thị Thu Hà**